



BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Số 2, Ngách 26/15 Đường Huy Du, Phường Cầu
Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 16, Lô VP-05, Khu đô thị Việt Phát, Phường Vĩnh Niệm,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com



Mã QR



Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	6
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	7-8
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	9-12
CÁC VĂN BẢN KHÁC	13

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Yêu cầu đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng

Ngày 19/6/2023, Tổng cục Thuế ban hành **Công văn 2489/TCT-VP** về đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng, trong đó có đề ra các yêu cầu nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng.

Theo đó, nhằm đảm bảo công tác giải quyết hồ sơ hoàn thuế nhanh chóng, kịp thời cho doanh nghiệp, tạo điều kiện giúp doanh nghiệp có nguồn lực tài chính phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh;

Đồng thời phân đầu đến ngày 30/6/2023, số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đảm bảo tối thiểu bằng với cùng kỳ năm 2022, Tổng cục Thuế yêu cầu đồng chí Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo triển khai ngay các công việc sau:

- Tập trung chỉ đạo các bộ phận chức năng của Cục Thuế đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế, đồng thời tổ chức giám sát việc xử lý hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng phải thực hiện đầy đủ, chặt chẽ các bước giải quyết hoàn thuế theo đúng quy định tại Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục Thuế.
- Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng đủ điều kiện hoàn thì khẩn trương ban hành Quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, đảm bảo đúng thời hạn quy định.
- Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng chưa đủ điều kiện hoàn thuế hoặc không được hoàn thuế thì Cục Thuế ban hành văn bản thông báo trả lời cho doanh nghiệp biết không được hoàn thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Đề nghị cung cấp thông tin giao dịch để thanh kiểm tra thuế

Ngày 21/6/2023, Tổng cục Thuế ban hành **Công văn 2535/TCT-TTKT** về tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thuế, trong đó đề nghị cung cấp thông tin giao dịch để thanh kiểm tra thuế.

Theo đó, Tổng cục Thuế đề nghị ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác cung cấp thông tin giao dịch qua tài khoản, số dư tài khoản, số liệu giao dịch theo đề nghị của cục trưởng cục thuế để phục vụ cho mục đích thanh tra, kiểm tra xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan thuế.

Trường hợp ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác không cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 19 Nghị định 125/2020/NĐ-CP .

Các cục thuế khi có yêu cầu cung cấp thông tin thì gửi văn bản về hội sở chính của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác để triển khai thực hiện.

Nội dung yêu cầu cần đầy đủ, chi tiết các thông tin về định danh, nội dung để ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác thực hiện.

Đối với các nội dung phức tạp, quan trọng, có thể thực hiện tổ chức họp giữa cục thuế và ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác; hoặc phối hợp, làm việc với cục thuế quản lý trực tiếp ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác đó theo quy định của pháp luật.

Các Cục thuế quản lý trực tiếp ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm phối hợp với các cục thuế khi có yêu cầu.

Các Cục thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin, sử dụng thông tin đúng mục đích và hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự an toàn của thông tin theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định của pháp luật có liên quan.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**

Theo **Công văn số 43860/CTHN-TTHT** ngày 26/6/2023 của Cục thuế HN, trường hợp Công ty A có dự án đầu tư mở rộng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện từ 01/01/2015 đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC, dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định thì thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo) theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

Trường hợp dự án đầu tư mở rộng của công ty chưa áp dụng ưu đãi thuế TNDN từ khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì thu nhập của công ty từ dự án đầu tư mở rộng nêu trên được hưởng toàn bộ thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định kể từ kỳ tính thuế được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Các ưu đãi về thuế TNDN chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Chính sách thuế TNCN, TNDN

Theo Công văn số 40818/CTHN-TTHT ngày 12/6/2023 của Cục thuế HN, trường hợp Ông A và chuyên gia người nước ngoài không đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC thì được xác định là cá nhân không cư trú và phạm vi xác định thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam là thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập theo quy định tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC. Nếu khoản thu nhập mà cá nhân được trả tại Nhật Bản không liên quan đến các công việc cá nhân thực hiện tại Việt Nam thì không tính khoản thu nhập này vào thu nhập từ tiền lương, tiền lương chịu thuế TNCN tại Việt Nam.

Trường hợp ông A và chuyên gia người nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì phạm vi xác định thu nhập chịu thuế TNCN là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC. Phần thu nhập nhận từ nước ngoài, cá nhân kê khai và nộp thuế TNCN trực tiếp cho cơ quan thuế Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty chi trả thay cho người lao động các khoản chi phí thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 và không thuộc các khoản chi không được trừ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan (nếu có).

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Những lưu ý về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Nghị định 26/2023/NĐ-CP

Tổng cục Hải quan ban hành **Công văn 3173/TCHQ-TXNK** ngày 21/6/2023 thực hiện Nghị định 26/2023/NĐ-CP và Quyết định 15/2023/QĐ-TTg về biểu thuế, trong đó có một số lưu ý về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng Ethanol thuộc mã hàng 2207.20.11 và 2207.20.19: từ 15% xuống 10%.
- Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 50% cho tất cả các mã hàng thuộc nhóm 24.04 “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người.” (nhóm hàng mới so với Danh mục AHTN 2017, trong đó có các sản phẩm dùng cho thuốc lá điện tử).
- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng thuộc các mã hàng 2710.12.40, 2710.12.50, 2710.12.60, 2710.12.70, 2710.12.80, 2710.12.91, 2710.12.92, 2710.12.99: từ 20% xuống 10%.
- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thuộc mã hàng 2710.19.90 và mã hàng 2710.20.00: từ 5% xuống 0%.
- Giảm thuế nhập khẩu mặt hàng lớp bằng cao su chưa qua sử dụng dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng thuộc các mã hàng 4011.20.11; 4011.20.12; 4011.20.13; 4011.20.19: từ 25% xuống 20%.
- Xóa bỏ một số mã hàng, nhóm hàng tại Chương 98: 9801.00.00; 9803.00.00; 9804.23; 9804.14 do trùng mô tả với hàng hóa tại 97 Chương.
- Cơ cấu lại danh mục mặt hàng thuộc nhóm 98.21 theo hướng xóa bỏ các mã hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu tại Chương 98 trùng với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại 97 Chương và giữ lại các mã hàng có mức thuế suất 7% tại nhóm 98.21.
- Xóa bỏ mã hàng 9845.10.00 “- Kính tối nhiệt an toàn (là loại kính cường lực (chịu lực cao, độ bền va đập gấp 5-8 lần, độ bền sốc nhiệt gấp 3 lần so với kính thường)” thuộc mã hàng 7007.11.10; và sửa lại mô tả của mã hàng 9845.20.00 thành “- Kính an toàn, kính dán an toàn (dày từ 6 đến 12 mm/kính dán nhiều lớp để tăng độ bền, có thể hạn chế tia UV), loại dùng cho ô tô tải và ô tô chở khách thuộc nhóm 87.02 và 87.04”
- Xóa bỏ khỏi nhóm 98.49 các mặt hàng lớp bơm hơi đã qua sử dụng thuộc các mã hàng 9849.13.20; 9849.13.31; 9849.13.39; 9849.13.40; 9849.13.51; 9849.13.59.

Chính sách lệ phí trước bạ

Theo **Công văn 2347/TCT-CS** ngày 9/6/2023 về chính sách lệ phí trước bạ

(1) Về trường hợp Công ty A

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP thì tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc đối tượng được miễn lệ phí trước bạ. Tại thời điểm Công ty A đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (năm 2022), nếu tài sản đăng ký được xác định là nhà kho theo quy định của pháp luật thì thuộc đối tượng được xem xét miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 25 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP.

(2) Về trường hợp Công ty B

Trường hợp doanh nghiệp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh gồm nhiều phần diện tích đất để xây dựng các hạng mục công trình khác nhau, nay doanh nghiệp đăng ký bổ sung quyền sở hữu tài sản đối với công trình hoàn thành thì mức thu lệ phí trước bạ được tính tối đa là 500 triệu đồng cho một lần cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp mới hoặc cấp bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận). Do đó, khi Công ty B đăng ký cấp bổ sung Nhà xưởng số 2, Nhà xưởng số 3 trên cùng một Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thuộc trường hợp phải kê khai và nộp lệ phí trước bạ theo quy định. Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh căn cứ Điều 95 Luật Đất đai và làm rõ việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với nhà xưởng số 2 và nhà xưởng số 3 của Công ty B là đăng ký 01 tài sản hay 02 tài sản để xác định mức thu lệ phí trước bạ theo Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP.

Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp

Theo **Công văn số 2413/TCT-CS** ngày 14/6/2023 về việc khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp, trường hợp nhà đầu tư thực hiện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 mà số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định và cho khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp nhưng chưa được trừ theo quy định và chưa tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh thì tiếp tục được trừ vào tiền thuê đất phải nộp.

Trường hợp số tiền ứng trước về bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vượt quá tiền thuê đất phải nộp theo Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ được trừ bằng tiền thuê đất phải nộp; số còn lại được tính vào vốn đầu tư của dự án và không có quy định được trừ vào số tiền thuê đất của thời gian gia hạn sử dụng đất. Đồng thời, nhà đầu tư không được trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư vào dự án đầu tư khác.

Việc xác định các khoản được trừ vào số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp thuộc trách nhiệm của Sở Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

VẤN ĐỀ KHÁC**Hướng dẫn tính lương, phụ cấp công chức, viên chức theo mức lương cơ sở mới từ 01/7/2023**

Ngày 26/6/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành **Thông tư 10/2023/TT-BNV** hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

Theo đó, tại Thông tư 10/2023/TT-BNV cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí cho cán bộ, công chức, viên chức khi tăng lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP như sau:

(1) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 8 và 9 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV :

Căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở quy định tại Nghị định 24/2023/NĐ-CP để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

- Công thức tính mức lương:

(Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số lương hiện hưởng)

- Công thức tính mức phụ cấp:

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở:

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số phụ cấp hiện hưởng)

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2023 + Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện từ ngày 01/7/2023 (nếu có) + Mức phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện từ ngày 01/7/2023 (nếu có)) x (Tỷ lệ % phụ cấp được hưởng theo quy định)

+ Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

- Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có):

(Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số chênh lệch bảo lưu hiện hưởng (nếu có))

(2) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV :

Căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật hiện hành để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

(Mức hoạt động phí thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số hoạt động phí theo quy định)

(3) Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV :

- Từ ngày 01/7/2023, quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán đối với mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP được tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

Việc quy định cụ thể mức phụ cấp đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP .

- Từ ngày 01/8/2023, quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán đối với mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP được tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

Việc quy định cụ thể mức phụ cấp đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP .

(4) Đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV :

- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an;

- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo cách tính quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 10/2023/TT-BNV .

Hướng dẫn giải quyết chế độ BHXH đối với người lao động tại các đơn vị chưa đóng đủ BHXH

Theo **Công văn 1880/BHXH-CSXH** thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động tại các đơn vị chưa đóng đủ bảo hiểm xã hội do BHXH Việt Nam ban hành ngày 21/6/2023.

Theo đó, các đơn vị sử dụng lao động chưa đóng đủ BHXH bao gồm:

- Đơn vị đang làm thủ tục phá sản;
- Đơn vị đã có Quyết định phá sản của Tòa án;
- Đơn vị không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký;
- Đơn vị không có người đại diện theo pháp luật.

Trong đó, nội dung hướng dẫn giải quyết chế độ BHXH đối với người lao động tại các đơn vị chưa đóng đủ BHXH gồm:

- Về chế độ ốm đau, thai sản
- Về chế độ hưu trí
- Về chế độ tử tuất
- Hồ sơ, thủ tục thực hiện

Tổng cục Thuế chỉ đạo kiểm tra hóa đơn điện tử

Đây là nội dung tại **Công văn 2392/TCT-QLRR** do Tổng cục Thuế ban hành ngày 14/6/2023 về việc kiểm tra hóa đơn điện tử.

Tổng cục Thuế đã xây dựng chức năng trên ứng dụng hóa đơn điện tử đáp ứng yêu cầu kiểm soát hóa đơn điện tử, ngăn chặn tình trạng xuất hóa đơn khống. Một số chức năng chính như sau:

- + Hệ thống tự động kiểm soát tổng giá trị hàng hóa bán ra trên các hóa đơn đã xuất so với ngưỡng giá trị hàng hóa đầu vào được tính toán bằng K lần tổng giá trị hàng tồn kho và tổng giá trị hàng hóa mua vào.
- + Hệ thống cảnh báo thực hiện theo tham số K.

Trên cơ sở đó, các trường hợp người nộp thuế vượt ngưỡng sẽ cảnh báo và đưa vào danh sách quản lý. Sử dụng chức năng tra cứu danh sách người nộp thuế cảnh báo để xem xét, xác định các trường hợp thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định. Cơ quan thuế sử dụng chức năng đã có khi triển khai phần mềm hóa đơn điện tử để thông báo ngừng tiếp tục sử dụng hóa đơn (đáp ứng quy định tại Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP).

Trước khi thực hiện triển khai chính thức, Tổng cục Thuế tổ chức kiểm tra kết quả kiểm soát theo giá trị hệ số K ban đầu. Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế tổ chức kiểm tra "Danh sách người nộp thuế thuộc diện giám sát xuất hóa đơn vượt ngưỡng an toàn" theo hướng dẫn dưới đây.

- Kế hoạch thực hiện:

Chức năng "Danh sách cảnh báo sử dụng hóa đơn" tại ứng dụng hóa đơn điện tử phục vụ cho công tác kiểm soát hóa đơn điện tử, ngăn chặn tình trạng xuất hóa đơn khống trên phần hệ ứng dụng hóa đơn điện tử được triển khai từ ngày 15/6/2023.

- Tổ chức thực hiện:

Cục Thuế phân công công chức phụ trách triển khai thực hiện kết xuất "Danh sách người nộp thuế thuộc diện giám sát xuất hóa đơn vượt ngưỡng an toàn" trên chức năng liên quan tại Ứng dụng hóa đơn điện tử với tham số ngày giám sát là 14/6/2023 (theo đó, dữ liệu kiểm soát sẽ được tổng hợp đến hết ngày 14/6/2023). Trên cơ sở danh sách kết xuất được, cơ quan thuế phân công công chức thực hiện kiểm tra người nộp thuế theo quy định hiện hành.

Báo cáo và đề xuất gửi về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) trước ngày 30/6/2023.

Tổng cục Thuế công bố danh sách 524 doanh nghiệp rủi ro về hóa đơn

Ngày 16/5/2023, Tổng Cục thuế ban hành **Công văn 1798/TCT-TTKT** về rà soát, xử lý hóa đơn không hợp pháp, trong đó công bố danh sách 524 doanh nghiệp rủi ro về hóa đơn.

Theo đó, tại Phụ lục 1 đính kèm Công văn 1798/TCT-TTKT, Tổng cục Thuế công bố danh sách 524 doanh nghiệp có rủi ro hóa đơn.

Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế tập trung vào việc rà soát, xử lý vi phạm đối với các hóa đơn xuất bán ra của 524 doanh nghiệp này.

- Trường hợp phát hiện doanh nghiệp thuộc cơ quan thuế quản lý đã sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp thuộc một trong số 524 doanh nghiệp thì yêu cầu doanh nghiệp phải giải trình làm rõ việc sử dụng hóa đơn để tính vào chi phí tính thuế TNDN, khấu trừ thuế GTGT/hoàn thuế GTGT, hợp thức hàng hóa mua trôi nổi, buôn lậu.

Đề nghị Cục Thuế căn cứ vào hành vi vi phạm thực tế và quy định tại các văn bản pháp luật để kịp thời xử lý về thuế theo đúng quy định hoặc củng cố hồ sơ và chuyển cơ quan Công an đề nghị xử lý theo quy định.

- Cục Thuế trực tiếp quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc danh sách 524 doanh nghiệp tiến hành rà soát;

Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có xuất hóa đơn bán ra cho doanh nghiệp ở địa phương khác đã phát hành trong các năm 2020, 2021, 2022, không có trong dữ liệu hóa đơn điện tử của Tổng cục Thuế thì cần kịp thời có văn bản thông báo gửi đến cơ quan thuế liên quan đồng thời tiến hành nhập thông tin lên ứng dụng xác minh hóa đơn để phối hợp, đối chiếu, rà soát và xử lý theo quy định.

Ban hành kèm theo Công văn 1798/TCT-TTKT còn có:

+ Phụ lục số 2. Bảng kê hóa đơn sử dụng của 524 doanh nghiệp đã kê khai thuế GTGT, thuế TNDN.

+ Phụ lục số 3: Bảng tổng hợp kết quả rà soát, xử lý về thuế đối với việc sử dụng hóa đơn của 524 doanh nghiệp.

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số **2572/TCT-KK** ngày **23/06/2023** của BTC về việc chính sách thuế GTGT mặt hàng nguồn gốc cao su
- ❖ Theo Công văn số **2459/TCT-TTKT** ngày **16/06/2023** của BTC về việc tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT.
- ❖ Theo Công văn số **2478/TCT-DNNCN** ngày **27/06/2023** của TCT về việc sử dụng biên lai thu phí, lệ phí.
- ❖ Theo Công văn số **5081/TXNK-CST** ngày **15/06/2023** của TCHQ về việc trả lời kiến nghị về mức thuế nhập khẩu đối với sách báo, tài liệu nghiên cứu.